

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **60** /2019/KDTM - PT.

Ngày : 14/6/2019

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

*Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh
Ông Nguyễn Thái Sơn*

Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội : Ông Phạm Tuấn An - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số : 74/2019/TLPT - KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: Hợp đồng bảo hiểm.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 35/2018/ KDTM – ST, ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Đ Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2019/QĐPT – KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Công ty cổ phần P D (gọi tắt là D);

Trụ sở: Lô C cụm CN T V, xã H L, huyện H V, Đ N;

Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Trường K - Chủ tịch HĐQT;

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng H hoặc ông Nguyễn H T theo văn bản ủy quyền ngày 28/04/2017. Ông H có mặt.

Bị đơn: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm H KH-(gọi tắt là V)

Trụ sở : tầng 15 tòa nhà G, số 36 H C, quận Đ Đ, H N;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng D - Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Văn C theo văn bản ủy quyền số 99 ngày 5/08/2017. Ông C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn thống nhất xác nhận nội dung vụ án như sau:

Ngày 4.8.2016, D và Công ty bảo hiểm H K Đ N - Chi nhánh của V ký hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số 031601459/F02 để bảo hiểm cho xe bơm bê tông biển kiểm soát 43C-129.97 với nội dung cơ bản: đối tượng bảo hiểm: xe bơm bê tông biển kiểm soát 43C-129.97 nhãn hiệu PUTMESTER, hệ thống bơm: sản xuất 2013 (BƠM), dòng xe cơ sở: HINO: 2012; loại hình bảo hiểm: bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba, bảo hiểm lái xe và người ngồi trên xe, bảo hiểm vật chất toàn bộ xe; tổng phí bảo hiểm 12 tháng của cả 3 loại hình bảo hiểm là 93.340.000 đồng. Ngoài ra, hợp đồng còn có các thỏa thuận về phương thức thanh toán, hiệu lực hợp đồng, hiệu lực bảo hiểm, trả tiền bồi thường, điều khoản chung. Sau khi ký hợp đồng bảo hiểm, D đã đóng đủ tiền bảo hiểm cho V theo hợp đồng.

Ngày 10.9.2016 đã xảy ra vụ tổn thất của xe bơm bê tông biển kiểm soát 43C-129.97 của D tại Công trình H, đường V Ng G, thành phố Đ N, nguyên nhân là do tám gối kê chân trụ bơm bê tông bị vỡ làm xe bị lật, đổ nghiêng. Hậu quả của việc lật đổ xe làm gãy chân trụ và hỏng hệ thống ống bơm bê tông. Cùng ngày, D đã có Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường gửi V Đ N. Ngày 17.9.2016, V có công văn số 116/GĐ-BT/2016 thông báo từ chối bồi thường tổn thất của xe bơm bê tông 43C-129.97 vì cho rằng: tổn thất xảy ra trong trường hợp các thiết bị chuyên dùng trên xe đang hoạt động nên thuộc điểm loại trừ bảo hiểm quy định tại Điều 13, mục 17 của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe cơ giới của V.

*** Ngày 08.4.2017, Công ty cổ phần P D có đơn khởi kiện đối với Tổng công ty cổ phần bảo hiểm H K, yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:**

Buộc tổng công ty cổ phần Bảo Hiểm H K phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường tổn thất cho D số tiền bảo hiểm là: 874.393.022 đồng cho tổn thất của xe bơm bê tông biển kiểm soát 43C-129.97.

Quá trình giải quyết vụ án, V có quan điểm : Tại điều 1 Hợp đồng bảo hiểm ghi rõ V bảo hiểm 01 xe bơm bê tông theo điều khoản, điều kiện trong Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo quyết định số 80/2015/QĐ-BHHK ngày 6/5/2015 của Tổng giám đốc V và theo Điều 13, mục 17 của Quy tắc bảo hiểm vật

chất xe cơ giới của V quy định : “ *Loại trừ bảo hiểm : Tổn thất về các thiết bị chuyên dùng trên xe cơ giới và tổn thất về xe cơ giới do hoạt động (trong mọi trường hợp) của thiết bị chuyên dùng của chính xe cơ giới gây ra*”. Trường hợp nêu trên khi xe bơm bê tông đang hoạt động do tấm gối kê chân trụ bơm bê tông bị vỡ làm xe bị lật, đổ nghiêng, làm gãy chân trụ và hỏng hệ thống ống bơm bê tông do vậy thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo Điều 13, mục 17 của Quy tắc bảo hiểm vật chất xe cơ giới của V, nên bị đơn không đồng ý bồi thường cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về giá trị của thay máy bơm mới. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu V phải bồi thường tổng số tiền là 266.790.818 đồng.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 35/2018/ KDTM – ST, ngày 8 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Đ Đ đã quyết định như sau :

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm của Công ty cổ phần P D đối với Tổng công ty cổ phần bảo hiểm H K (tên viết tắt: V).

2- Buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm H K (tên viết tắt: V) phải thanh toán cho Công ty cổ phần P D tổng số tiền là 266.790.818 (Hai trăm sáu sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn tám trăm mười tám) đồng.

3- Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4- Án phí: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm H K – V phải chịu 13.339.500 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty cổ phần P D 18.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005978 ngày 02/08/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ Đ, thành phố Hà Nội.

Sau khi xét xử sơ thẩm :

Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Nguyên đơn trình bày : Khi ký kết Hợp đồng bảo hiểm V không cung cấp về các *Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm* cũng như *Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo quyết định số 80/2015/QĐBHHK ngày 6/5/2015 của Tổng giám đốc V* , nay xảy ra tranh chấp V lại đưa *Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ*

giới ban hành kèm theo quyết định số 80/2015/QĐBHHK ngày 6/5/2015 của Tổng giám đốc V là không đúng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày : tại điều 7.4 Hợp đồng bảo hiểm ghi rõ : “ *Các bên đã tự đọc Hợp đồng , quy tắc , điều khoản có liên quan, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều kiện , điều khoản trong hợp đồng và Quy tắc có liên quan*” điều đó thể hiện D đã đọc điều khoản *Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm* nêu trên do vậy V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn Luật định. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện khi ký kết Hợp đồng bảo hiểm, D không được giải thích cụ thể về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, do vậy V không được áp dụng các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với D. Do vậy căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của V giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng : Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn Luật định.
- Về Quan hệ pháp luật : Ngày 4.8.2016, D và Công ty bảo hiểm H K Đ N- Chi nhánh của V ký hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số 031601459/F02 để bảo hiểm cho xe bơm bê tông biển kiểm soát 43C-129.97 , loại hình bảo hiểm: bảo hiểm vật chất toàn bộ xe. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm hai bên xảy ra tranh chấp , Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về Hợp đồng bảo hiểm :

+ D do ông Đặng Tiến Đ – Tổng giám đốc đại diện và Công ty bảo hiểm H K Đ N do ông Lê Hữu Ph – Giám đốc đại diện ký kết hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số 031601459/F02 ngày 4.8.2016 là đúng thẩm quyền.

+ Quá trình thực hiện hợp đồng, D đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm và V đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số BB15/0009063 ngày 6/8/2016 với thời hạn bảo hiểm từ 4/8/2016 đến 4/8/2017.

Điều 1 khoản 1 điều 13 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định “ *Hợp đồng bảo hiểm phải có những nội dung sau đây : Điều khoản loại trừ trách nhiệm*”, Khoản 2 điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định : “ *Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng*”. Thấy rằng đối tượng bảo hiểm là xe bơm bê tông loại xe chuyên dùng theo quy định tại Thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 nên những quy định về *Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm* đối với loại xe chuyên dùng này mang tính chất riêng biệt phải được quy định cụ thể và phải được thể hiện trong hợp đồng bảo hiểm . Căn cứ vào Hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe cơ giới số 031601459/F02 ngày 4.8.2016 do hai bên ký kết không thể hiện cụ thể *Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm* là vi phạm Điều 1 khoản 1 điều 13, Khoản 2 điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Trong Hợp đồng bảo hiểm nêu trên có ghi : “ *điều 1: đối tượng bảo hiểm: V nhận bảo hiểm cho xe cơ giới của Người được bảo hiểm 01 xe bơm bê tông theo điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo quyết định số 80/2015/QĐBHHK ngày 6/5/2015 của Tổng giám đốc V*”. Trong quá trình giải quyết vụ án V xuất trình cho Tòa án ***Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới ban hành kèm theo quyết định số 80/2015/QĐBHHK ngày 6/5/2015 của Tổng giám đốc V*** để căn cứ vào đó V từ chối trách nhiệm bảo hiểm. Như vậy việc V dẫn chiếu Quy tắc bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm và Quy tắc bảo hiểm áp dụng khi xảy ra tranh chấp có sự khác nhau, gây bất lợi cho người mua bảo hiểm.

Thấy rằng Hợp đồng bảo hiểm có ghi : “ *Hợp đồng này được cấp cùng Giấy chứng nhận bảo hiểm được lập thành 2 bản mỗi bên giữ 1 bản*”, như vậy thấy rằng việc D cho rằng không được cấp ***Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo quyết định số 80/2015/QĐBHHK ngày 6/5/2015 của Tổng giám đốc V*** theo như

Hợp đồng bảo hiểm là có căn cứ. Việc V cho rằng khi ký kết hợp đồng bảo hiểm đã giải thích rõ *Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm* nhưng V không có chứng minh, nên không được chấp nhận. Do *Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm* không được quy định rõ ràng trong hợp đồng và không được giải thích theo quy định tại khoản 2 Điều 16 và điểm a khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm gây bất lợi cho người mua bảo hiểm, do vậy theo quy định tại Điều 21 Luật kinh doanh bảo hiểm, “*trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm*”. Như vậy, cần xác định D đã không được giải thích và không được biết về điều khoản loại trừ bảo hiểm quy định tại Điều 13, mục 17 của ***Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới*** (Hợp đồng bảo hiểm ghi ***Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới***) của V, do vậy V không có quyền áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với D, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của D là có căn cứ để chấp nhận .

Về thiệt hại :

+ Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận : Vào hồi 9h30 ngày 10.9.2016 tại Công trình H, đường V Ng G, thành phố Đ N , xe bơm bê tông biển kiểm soát 43C-129.97 của D xảy ra tổn thất , nguyên nhân là do tấm gỗ kê chân trụ xe bơm bê tông bị vỡ làm xe bị lật, đổ nghiêng dẫn đến gãy chân trụ trái và hỏng hệ thống ống bơm bê tông. Như vậy các bên đều thống nhất về thiệt hại và nguyên nhân xảy ra thiệt hại . Ngay sau khi xảy ra sự việc ,D có Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường gửi V , ngày 17/9/2016 V có Văn bản số 116/GĐ-BT/2016 về việc không chấp nhận yêu cầu bồi thường .

Điểm b khoản 1 điều 47 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định“ *Hình thức bồi thường Sửa chữa tài sản bị thiệt hại, Thay thế tài sản bị thiệt hại bằng tài sản khác, bồi thường bằng tiền*” , Khoản 1 điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định : “ *Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm , doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân mức độ tổn thất*”, như vậy trong mọi trường hợp việc giám định tổn thất làm căn cứ bồi thường thuộc về V, nhưng V không thực hiện giám định và từ chối bồi thường nên D đã tự thay thế chân trụ bị gãy và sửa chữa xe ô tô để đưa vào sản xuất kinh doanh là có căn cứ . Tại cấp phúc thẩm D đã nộp bổ sung các hoá đơn chứng từ sửa chữa là bản sao được chứng thực và hoá đơn do bên bán chứng thực là

phù hợp pháp luật, do vậy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn cho rằng hoá đơn sửa chữa do D xuất trình là không hợp lệ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hóa đơn chứng từ thay thế chân trụ và hóa đơn sửa chữa với tổng số tiền là 266.790.818đ do D nộp để chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của D là phù hợp pháp luật. Từ những nhận định trên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của V, căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với pháp luật.

- Về án phí : V phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên:

Căn cứ Điểm b khoản 1 điều 47, điều 48, Điểm đ khoản 1 điều 13, Khoản 2 điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm .

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 26, Khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm H K.

Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 35/2018/ KDTM – ST, ngày 8 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Đ Đ và quyết định như sau:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng bảo hiểm của Công ty cổ phần P D đối với Tổng công ty cổ phần bảo hiểm H K.

2- Buộc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm H K phải thanh toán cho Công ty cổ phần P D tổng số tiền là 266.790.818 (Hai trăm sáu sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn tám trăm mười tám) đồng.

3- Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4- Án phí: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm H K phải chịu 13.339.500 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp), và 2.000.000đ án phí kinh doanh

thương mại phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nộp tại biên lai số 8020 ngày 5/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Đ Đ.

- Hoàn trả Công ty cổ phần P D 18.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005978 ngày 02/08/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 14/6/2019.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án ND quận Đ Đ;
- Chi cục THADS quận Đ Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án ND quận Đ Đ;
- Chi cục THADS quận Đ Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH